

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 08-02-2018.

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Phước;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh;

Tạm trú: Khu vực TB 2, phường TA, quận TN, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Q chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 04-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống vợ con. Ngoài ra, anh Q còn sử dụng ma túy. Chị khuyên can thì vợ chồng gây gổ nhau. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ đầu năm 2017 đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 01-7-2014, hiện cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn anh Trần Ngọc Q trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh cho rằng trước đây do anh thiếu quan tâm đến vợ con nên vợ giận bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống, anh có đến rước vợ về nhưng vợ không đồng ý. Hiện nay anh còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao chị L tiếp tục nuôi con, anh sẽ phụ giúp nuôi con theo khả năng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn anh Q chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim N sinh ngày 01-7- 2014 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Q chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn ngày 04-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị L và anh Q chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống vợ con. Vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau dẫn đến sống ly thân đầu năm 2017 đến nay.

Xét yêu cầu đoàn tụ của anh Q thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q thừa nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do lỗi nơi anh nhưng anh không thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh Q tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh không chấp hành, từ đó chứng tỏ rằng anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc nên yêu cầu đoàn tụ của anh không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, qua xác minh chính quyền địa phương thấy rằng anh Q là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, đã bị Công an xã An Tịnh xử phạt hành chính. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 01-7-2014, hiện đang sống với chị L. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con. Từ khi ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi cháu Ngân, hiện cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt. Ngoài ra, anh Q cũng đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Ngân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Trần Ngọc Q.

Chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 01-7-2014.

Anh Trần Ngọc Q không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị L không yêu cầu.

Anh Trần Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009268 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Trần Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã An Tịnh;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm